TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 19/2020/HS-ST Ngày: 25/3/2020	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Đỗ Thị Tuyết

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Ngọc Vân

Ông Đỗ Văn Ngôn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký TAND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên toà***: Ông Vi Đức Thứ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2020/HSST ngày 13/02/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 20/2020/QĐXXST – HS ngày 11/3/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trương Thị T** (tên gọi khác: P) - sinh năm 1983;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 5, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở: thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang ; Giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; con ông Trương Văn Đ, con bà Lục Thị N, có chồng Nguyễn Hồng Q-sinh năm 1983; Con: có 01 con sinh năm 2007; Anh, chị em ruột: không có. Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 11/7/1998 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện L khởi tố về tội "Giết người"; Ngày 16/11/1998 được thay đổi tội danh từ tội "Giết người" sang tội "Vô ý làm chết người"; Ngày 23/11/1998 được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đình chỉ, miễn trách nhiệm hình sự đối với Trương Thị T về tội danh này.

Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/10/2019 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên toà).

2. Họ và tên: **Nguyễn Hồng Q** - sinh năm 1983;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 5, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở: thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân

tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; con ông: Nguyễn Ngọc L; con bà: Hoàng Thị M; có vợ: Trương Thị T - sinh năm 1983; Con: có 01 con sinh năm 2007; Anh, chị em ruột: gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: tại bản án số 101/HSST ngày 21/8/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt Q 18 tháng tù về tội "Cướp tài sản".

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 22/10/2019 đến ngày 28/10/2019 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại (có mặt tại phiên toà).

Bị hại:

Anh Nguyễn Văn N – Sinh năm 1991(vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị Th – Sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam

Người làm chứng:

Anh Trần Văn Tr – Sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2019, Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1983 và vợ là Trương Thị T (tên gọi khác là P), sinh năm 1983, đều đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 5, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ mở quán cà phê đấm lưng thư giãn tại thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang và có thuê Lê Thị Th, sinh năm 1980, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn M, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam làm nhân viên.

Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 21/10/2019, Q và T đang ở quán thì có các anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và anh Trần Văn Tr, sinh năm 1996 trú tại thôn Q, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đi xe mô tô đến đặt vấn đề được đấm lưng thư giãn. Khi vào trong quán, anh N hỏi "Có đấm lưng thư giãn không" thì Q trả lời "Có, vào trong này". Tại đây, anh N và anh Tr thỏa thuận giá dịch vụ đấm lưng thư giãn với T là 100.000 đồng/ người. Sau khi thỏa thuận giá xong, T nói với Q "Tí nữa em lấy tiền của khách xong em đưa cho anh" nên Q hiểu ý vợ là lát nữa T sẽ trộm cắp tiền của khách rồi đưa cho Q nên trả lời "ừ" rồi ngồi xuống chiếc giường gấp ngoài phòng khách đợi. Sau đó, T gọi Th dậy để cùng tiếp khách rồi dẫn anh N vào phòng cuối của quán, còn Th dẫn anh Tr vào phòng bên cạnh thực hiện việc đấm lưng thư giãn và có quan hệ tình dục với anh Tr. Khi vào phòng, T bảo anh N cởi bỏ quần áo đang mặc trên người để T

đấm lưng. Anh N đưa cho T số tiền 400.000 đồng và đề nghị cho hai người được quan hệ tình dục nhưng T không đồng ý, T nhận số tiền 400.000 đồng từ anh N và trả lại anh N 100.000 đồng rồi yêu cầu anh N cởi hết quần áo để đấm lưng thư giãn. Khi được T yêu cầu, anh N tự cởi quần áo của mình để ở cuối giường, gần vị trí cửa ra vào phòng và nằm úp mặt xuống giường để T đấm lưng thư giãn. Lúc này, T nhìn thấy ví tiền của anh N để trong túi quần thò ra ngoài nên nảy sinh ý định trộm cắp tiền của anh N. Sau đó, T đấm lưng cho anh N khoảng 10 phút thì thấy anh N có biểu hiện say rượu nên không đấm lưng cho anh N nữa mà dừng lại quan sát thì thấy anh N đang nằm trong tư thế úp mặt xuống giường, không có khả năng quan sát nên đã móc chiếc ví từ túi quần của anh N ra, lấy số tiền 2.200.000 đồng trong ví của anh N (gồm 04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng). Sau đó, T nói dối anh N là ra ngoài lấy khăn ướt và cầm theo cả ví của anh N cùng số tiền nêu trên ra phòng khách đưa cho Q và nói "tiền em vừa lấy của khách, anh cất đi", Q hiểu ý T vừa lấy trộm số tiền này của khách nên cầm số tiền 2.200.000 đồng cất vào ví của mình. Lúc này, T thấy Th và anh Tr đi ra nên bảo Th vào phòng tiếp tục đấm lưng cho anh N. Trong lúc Th đấm lưng cho anh N, T vào phòng đút trả lại ví vào trong túi quần của anh N rồi đi ra phòng khách ngồi cùng Q. Sau khi được Th đấm lưng xong, anh N mặc quần áo và đi ra phòng khách, kiểm tra ví thì phát hiện bị mất số tiền 2.200.000 đồng. Cùng lúc này, lực lượng Công an huyện Việt Yên đến kiểm tra quán nên anh N đã trình báo sự việc lên Công an huyện Việt Yên đề nghị giải quyết.

Ngày 22/10/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên tiến hành khám xét khẩn cấp quán cà phê đấm lưng thư giãn của Q và T, thu giữ: 01 vỏ bao cao su và 01 bao cao su đã qua sử dụng; 07 chiếc bao cao su nguyên vỏ chưa sử dụng. Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trương Thị T, thu giữ của T 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 màu vàng có số seri: R58JC142ZCW và 400.000 đồng gồm 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng.

Ngày 22/10/2019, Nguyễn Hồng Q đã đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an huyện Việt Yên và giao nộp số tiền 2.200.000 đồng trộm cắp được.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn N khai: ngày 21/10/2019 khi đến quán anh Ngọc đã thỏa thuận với T về việc mua dâm với giá 200.000 đồng/ một người và số tiền 400.000 đồng anh N đưa cho T là tiền anh N trả tiền mua dâm cho anh N và anh Tr, nhưng do chỉ có một người phụ nữ tên là Th bán dâm cho anh Tr nên Thực đã trả lại anh N số tiền 100.000 đồng . Tuy nhiên T không thừa nhận việc T đã thoả thuận về việc mua bán dâm với anh N và anh Tr, T chỉ thoả thuận việc T và Th đấm lưng thư giãn cho anh N và anh Tr, việc Th quan hệ tình dục với anh Tr hay không thì Th không biết. Lê Thị Th khai: chỉ được Th yêu cầu đấm lưng thư giãn cho khách chứ không yêu cầu bán dâm, việc Th có quan hệ tình dục với anh Trần Văn Tr là do Th tự ý và không nói cho T biết. Anh Trần Văn Tr xác định: khi vào quán anh Tr và anh N chỉ nói với những người ở trong quán là muốn thư giãn, không nói rõ là muốn mua dâm, việc anh N trả tiền và thoả thuận với T như nào anh Tr không biết, sau khi vào trong phòng cùng chị Th, anh Tr chỉ được nghe anh N nói từ bên phòng bên cạnh sang thông báo cho anh Tr biết việc anh N đã trả tiền cho cả anh và

anh N rồi nhưng anh N không nói rõ là trả tiền gì. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa T và anh N nhưng không có kết quả. Ngoài lời khai của anh N ra, không còn tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh T thoả thuận với anh N và anh Tr về việc mua bán dâm nên không đủ căn cứ để xử lý đối với T về hành vi chứa mại dâm.

Đối với hành vi mua bán dâm của anh Trần Văn Tr và chị Lê Thị Th, ngày 17/01/2020 Công an huyện Việt Yên đã ra Quyết định xử phạt hành chính theo Nghị định số 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Đối với 01 vỏ bao cao su và 01 bao cao su đã qua sử dụng thu giữ khi khám xét khẩn cấp là báo cao su Lê Thị Th và anh Trần Văn Tr sử dụng khi quan hệ tình dục với nhau; 07 chiếc bao cao su nguyên vỏ chưa sử dụng; là của vợ chồng Nguyễn Hồng Q và Trương Thị T mua về để sử dụng; 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 màu vàng có số seri: R58JC142ZCW là của bị cáo T không liên quan đến hành vi phạm tội. Số tiền 400.000 đồng, gồm 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 là tiền anh N trả T tiền công T và Th đấm lưng cho anh N và anh Tr, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên đã tiến hành nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Ngày 10/11/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên đã trả lại số tiền 2.200.000 đồng cho anh Nguyễn Văn N. Đến nay, anh N không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác.

Quá trình điều tra Nguyễn Hồng Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, Trương Thị T thừa nhận về hành vi trộm cắp tài sản của mình nhưng không thừa nhận việc T bàn bạc với Q trước khi thực hiện hành vi trộm cắp.

Tại bản cáo trạng số 18/CT - VKS ngày 13/02/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố các bị cáo Trương Thị T (tức P) và Nguyễn Hồng Q ra trước Tòa án nhân dân huyện Việt Yên để xét xử các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015.

Tại phiên toà: Bị cáo Trương Thị T (tức P) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố là đúng, nhưng không thừa nhận việc bị cáo đã bàn bạc trước với bị cáo Q về việc sẽ trộm cắp tài sản và giao tài sản trộm cắp được cho Nguyễn Hồng Q. Bị cáo Nguyễn Hồng Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố là đúng và khẳng định việc trộm cắp tài sản, giao tài sản cho bị cáo cất giữ sau khi trộm cắp đã được bị cáo T bàn bạc trước với bị cáo và bị cáo đã đồng ý với việc này, việc bị cáo T khai tại phiên toà như vậy nhằm để tránh cho bị cáo Q không liên quan gì đến hành vi trộm cắp tài sản do bị cáo T thực hiện. Tại phiên toà các bị cáo đều thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là không oan, các bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình là sai, các bị cáo rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Về phần trách nhiệm dân sự, bị cáo Nguyễn Hồng Q đã bồi thường cho anh N số tiền 2.200.000 đồng.

Bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ. Các bị cáo không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trương Thị T (tức P), Nguyễn Hồng Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Trương Thị T (tức P) từ 07 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/10/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58, Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Q từ 06 tháng đến 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 22/10/2019 đến ngày 28/10/2019.

Do các bị cáo không có việc làm, không có tài sản riêng nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

-Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản trộm cắp và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên về trách nhiệm dân sự không xem xét trong vụ án này.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

+ Tịch thu tiêu huỷ: 01 vỏ bao cao su và 01 bao cao su đã qua sử dụng, 07 chiếc bao cao su nguyên vỏ chưa sử dụng.

+ Trả lại Trương Thị T 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 màu vàng có số seri: R58JC142ZCW và số tiền 400.000 đồng nhưng được giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra cần áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, qua công bố lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã

thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Trương Thị Thực (tức Phương) khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhưng không thừa nhận việc bị cáo Q có tham gia trộm cắp tài sản cùng bị cáo. Bị cáo Nguyễn Hồng Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra và khẳng định bị cáo có tham gia trộm cắp tài sản cùng bị cáoT, bị cáo T khai bị cáo không tham gia trộm cắp tài sản cùng bị cáo T là không đúng, trước khi bị cáo T trộm cắp tài sản đã bàn bạc với bị cáo và bị cáo cũng đồng ý với việc trộm cắp tài sản. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 21/10/2019, tại quán cà phê đấm lưng thư giãn tại thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang của Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1983 và Trương Thị T (tên gọi khác là P), sinh năm 1983, đều đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 5, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ, lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1991, trú tại: tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là khách đến đấm lưng, Trương Thị T đã lén lút chiếm đoạt số tiền 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn) của anh N rồi đưa cho Nguyễn Hồng Q cất giấu.

[3] Như vậy, hành vi của các bị cáo Trương Thị T (tức P), Nguyễn Hồng Q đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Trương Thị T (tức P), Nguyên Hồng Quân thực hiện hành vi trộm cắp với giá trị tài sản là 2.200.000 đồng. Do vậy, cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Trương Thị T (tức P) Ngày 11/7/1998 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Lục Ngạn khởi tố về tội "Giết người"; Ngày 16/11/1998 được thay đổi tội danh từ tội "Giết người" sang tội "Vô ý làm chết người"; Ngày 23/11/1998 được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đình chỉ, miễn trách nhiệm hình sự đối với Trương Thị T về tội danh này.

Bị cáo Nguyễn Hồng Quân là người có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án đưa ra xét xử về tội " Cướp tài sản".

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, các bị cáo T, Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS mà các bị cáo được hưởng. Bị cáo Q đã bồi thường khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T lần phạm tội đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo Q đã tự nguyện ra đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS cần áp dụng cho các bị cáo.

[8] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Giữ vai trò đầu là bị cáo Trương Thị T vì bị cáo là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi tiếp đến là vai trò của bị cáo Nguyễn Hồng Q.

[9] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, điều luật đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo T đã từng bị khởi tố về tội " Giết người" sau đó được thay đổi tội danh sang tội " Vô ý làm chết người" và được Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đình chỉ, miễn trách nhiệm hình sự. Tuy lần phạm tội này là lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và giá trị tài sản bị cáo trộm cắp không lớn nhưng cũng cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra để răn đe, giáo dục bị cáo. Bị cáo Q là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án đưa ra xét xử về tội "Cướp tài sản". Bị cáo Q không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội.

Do các bị cáo hiện không có nghề nghiệp, thu nhập nên không cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

[10] Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay bị cáo T đang bị tạm giam nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án theo quy định tại Điều 329 BLTTHS.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Anh N đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên trách nhiệm dân sự không xem xét trong vụ án này.

Đối với hành vi mua bán dâm của anh Trần Văn Tr và chị Lê Thị Th, ngày 17/01/2020 Công an huyện Việt Yên đã ra quyết định xử phạt hành chính theo Nghị định số 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ là có căn cứ.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 vỏ bao cao su và 01 bao cao su đã qua sử dụng, 07 chiếc bao cao su còn nguyên vỏ không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu huỷ. Đối với số tiền 400.000 đồng và 01 điện thoại, quá trình điều tra và xem xét tại phiên toà xác định được: 400.000 đồng là tiền của T và tiền công do T và chị Th đấm lưng cho anh N và anh Tr, số tiền này và điện thoại di động Samsung Galaxy J7 không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo Thực nhưng được giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Việc vắng mặt bị hại, người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử cho nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Ngoài ra cần áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 136; các Điều 331,332,333 Bộ luật tố tụng hình sự để buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Trương Thị T (tức P) 07 (*bẩy*) tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo bị bắt khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/10/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Q 06 (*Sáu*) tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi số ngày đã bị tạm giữ từ ngày 22/10/2019 đến ngày 28/10/2019.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS

+ Tịch thu tiêu huỷ: 01 vỏ bao cao su và 01 bao cao su đã qua sử dụng, 07 chiếc bao cao su nguyên vỏ chưa sử dụng.

+ Trả lại Trương Thị T 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 màu vàng có số seri: R58JC142ZCW và số tiền 400.000 đồng nhưng được giữ lại để đảm bảo thi hành án (số tiền hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên theo biên lai số AA/2015/0000764 ngày 14/02/2020).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: buộc các bị cáo Trương Thị T (tức P), Nguyễn Hồng Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 BLTTHS 2015

Báo cho bị cáo có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1 b);
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện Việt Yên(2b);
- T.H.A.(4 b);
- Lưu HS.VP (1 b);
- Công an huyện Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Đỗ Thị Tuyết

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Đỗ Văn Ngôn Nguyễn Ngọc Vân

THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Tuyết